

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUY NHƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 69/2024/KDTM -ST

Ngày: 20-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Đặng Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:+ Bà Trần Thị Phối

+ Ông Nguyễn Tấn Bình

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố P- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2024/QĐST-KDTM ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C

Địa chỉ: A T, Quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Đức H- Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh K, bà Nguyễn Thị H1- Trưởng phòng G; Địa chỉ: B L, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Theo văn bản ủy quyền số 372/UQ-CNKCNT-TH ngày 26/8/2024); có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1999; HKTT: Tở D, khu phố E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Địa chỉ: Tở D, khu phố E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Lý Thị Duyên H2, sinh năm 1967; HKTT: Tở D, khu phố E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Cùng địa chỉ: Tở D, khu phố E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP C** do ông **Hồ Đức H**, bà **Nguyễn Thị H1** là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh K (viết tắt là Ngân hàng) và chị **Nguyễn Thị Bích T** có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542 ngày 02/3/2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542/SĐBS01 ngày 07/7/2023. Theo hợp đồng, Ngân hàng có cho chị **Nguyễn Thị Bích T** vay vốn với số tiền vay là 22.000.000.000 đồng; Mục đích vay để bổ sung vốn mua bán hàng nông sản theo chuyển ; Thời hạn cho vay: tối đa 06 tháng/giấy nhận nợ; Lãi trong hạn được tính theo từng giấy nhận nợ ; Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (lãi suất vay vốn có sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ); **T1** lãi trả vào ngày 05 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho chị **Nguyễn Thị Bích T** thể hiện tại các giấy nhận nợ với tổng số tiền nhận nợ là 22.000.000.000 đồng, cụ thể từng giấy nhận nợ như sau:

- Giấy nhận nợ ngày 25/8/2023, thời hạn vay : 06 tháng, ngày đến hạn 25/02/2024, số tiền nhận nợ 1.500.000.000 đồng, lãi suất ghi trên giấy nhận nợ là : 8,5%/năm.
- Giấy nhận nợ ngày 30/8/2023, thời hạn vay: 06 tháng, ngày đến hạn 29/02/2024, số tiền nhận nợ 7.000.000.000 đồng, lãi suất ghi trên giấy nhận nợ là : 8,5%/năm.
- Giấy nhận nợ ngày 07/9/2023, thời hạn vay: 06 tháng, ngày đến hạn 07/3/2024, số tiền nhận nợ 8.400.000.000 đồng, lãi suất ghi trên giấy nhận nợ là : 8,3%/năm.
- Giấy nhận nợ ngày 14/9/2023, thời hạn vay : 06 tháng, ngày đến hạn 14/3/2024, số tiền nhận nợ 3.100.000.000 đồng, lãi suất ghi trên giấy nhận nợ là : 8,3%/năm.
- Giấy nhận nợ ngày 08/12/2023, thời hạn vay: 06 tháng, ngày đến hạn 08/6/2024, số tiền nhận nợ 1.000.000.000 đồng, lãi suất ghi trên giấy nhận nợ là : 8%/năm.
- Giấy nhận nợ ngày 18/01/2024, thời hạn vay : 06 tháng, ngày đến hạn 18/7/2024, số tiền nhận nợ 1.000.000.000 đồng, lãi suất ghi trên giấy nhận nợ là : 8%/năm.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ các hợp đồng nêu trên của chị **Nguyễn Thị Bích T**, ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Lý Thị Duyên H2** đã thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là số nhà A đường H, khu phố B phường T, TP Q, tỉnh Bình Định) thuộc quyền sở hữu của ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Lý Thị Duyên H2**, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 121599, số vào sổ cấp GCN: CS03773 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 16/12/2020 (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số

200/2021/HĐBĐ/NHCT542 ngày 23/6/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 200/2021/HĐBĐ/NHCT542-SĐBS01 ngày 07/7/2023). Tài sản thế chấp hiện do ông Nguyễn Văn Đ và bà Lý Thị Duyên H2 đang quản lý, sử dụng và sở hữu.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay nêu trên, chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi đã thỏa thuận trong các hợp đồng vay đã ký, từ khi vay đến nay chị T chưa trả gốc cho Ngân hàng, còn tiền lãi đã trả được 725.340.018 đồng, từ ngày 08/3/2024 chị T không trả nữa. Như vậy chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận và vi phạm Điểm a, Điều 9, Phần 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542 ngày 02 tháng 3 năm 2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542/SĐBS01 ngày 07 tháng 7 năm 2023 đã ký kết với ngân hàng. Các khoản vay của chị T đã đến hạn trả nợ nhưng chị T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng dẫn đến các khoản vay của chị T đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính hết ngày 19/9/2024, chị T còn nợ Ngân hàng TMCP C số tiền là 23.749.534.197 đồng (trong đó: nợ gốc 22.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.223.188.171 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 511.865.753 đồng, lãi phạt quá hạn lãi 14.480.272 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu chị T thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng nhưng chị T vẫn không thực hiện. Nay Ngân hàng TMCP C yêu cầu Tòa buộc chị Nguyễn Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền gốc và lãi còn nợ tính hết ngày 19/9/2024 là 23.749.534.197 đồng (trong đó: nợ gốc 22.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.223.188.171 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 511.865.753 đồng, lãi phạt quá hạn lãi 14.480.272 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 20/9/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay hạn mức và các giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi trả hết nợ. Trong trường hợp chị Nguyễn Thị Bích T không thực hiện trả nợ đầy đủ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tọa lạc tại khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định Định (nay là số nhà A đường H, khu phố B phường T, TP Q, tỉnh Bình Định) thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ và bà Lý Thị Duyên H2, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 121599, số vào sổ cấp GCN: CS03773 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 16/12/2020 (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 200/2021/HĐBĐ/NHCT542 ngày 23/6/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 200/2021/HĐBĐ/NHCT542-SĐBS01 ngày 07/7/2023) để thu hồi nợ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị T đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên xét xử nhưng chị T vẫn không đến Tòa để làm việc, do đó Tòa không lấy được lời khai của chị Nguyễn Thị Bích T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Lý Thị Duyên H2**: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông **Đ** và bà **H2** đến Tòa để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên xét xử nhưng ông **Đ** và bà **H2** vẫn không đến Tòa để làm việc, do đó Tòa không lấy được lời khai của ông **Đ** và bà **H2**.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 292, 299, 317, 318 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP C**. Buộc chị **Nguyễn Thị Bích T** phải trả cho **Ngân hàng TMCP C** số tiền gốc và lãi còn nợ tính hết ngày 19/9/2024 là 23.749.534.197 đồng (trong đó: nợ gốc 22.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.223.188.171 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 511.865.753 đồng, lãi phạt quá hạn lãi 14.480.272 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 20/9/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp chị **Nguyễn Thị Bích T** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, **Ngân hàng TMCP C** có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại **số nhà A đường H, khu phố B phường T, TP Q, tỉnh Bình Định**, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 121599, số vào sổ cấp GCN: CS03773 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 16/12/2020 (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 200/2021/HĐBĐ/NHCT542 ngày 23/6/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 200/2021/HĐBĐ/NHCT542-SĐBS01 ngày 07/7/2023) để thu hồi nợ. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị **Nguyễn Thị Bích T** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Văn Đ**, bà **Lý Thị Duyên H2** đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do , không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP C**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về yêu cầu chi **Nguyễn Thị Bích T** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP C** số tiền gốc và lãi còn nợ tính hết ngày 19/9/2024 là 23.749.534.197 đồng (trong đó: nợ gốc 22.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.223.188.171 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 511.865.753 đồng, lãi phạt quá hạn lãi 14.480.272 đồng) và trả tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ hai bên đã ký kết:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542 được ký ngày 02/3/2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542/SĐBS01 được ký ngày 07/7/2023 giữa bên cho vay là **Ngân hàng TMCP C - chi nhánh K** và bên vay là chị **Nguyễn Thị Bích T**, việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện , không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cho vay hạn mức 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542 ngày 02/3/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542/SĐBS01 ngày 07/7/2023 là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Căn cứ các giấy nhận nợ ngày 25/8/2023, 30/8/2023, 07/9/2023, 14/9/2023, 08/12/2023, 18/01/2024; các bảng kê tính lãi đến ngày 19/9/2024, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện **Ngân hàng TMCP C - chi nhánh K** có cho chị **Nguyễn Thị Bích T** vay số tiền 22.000.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn mua bán hàng nông sản theo chuyên. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, từ khi vay đến nay chị **T** chưa trả gốc cho Ngân hàng, còn tiền lãi chị **T** đã trả được 725.340.018 đồng, từ ngày 08/3/2024 thì không trả nữa. Các khoản vay của chị **T** đã đến hạn trả nợ nhưng chị **T** đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi vay cho ngân hàng dẫn đến các khoản vay của chị **T** đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã yêu cầu chị **T** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng chị **T** không trả. Như vậy chị **T** đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi như đã thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết , là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên **Ngân hàng TMCP C** yêu cầu buộc chị **Nguyễn Thị Bích T** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP C** số tiền gốc và lãi còn nợ tính hết ngày 19/9/2024 là 23.749.534.197 đồng (trong đó: nợ gốc 22.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.223.188.171 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 511.865.753 đồng, lãi phạt quá hạn lãi 14.480.272 đồng) và trả tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2024 đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay,

giấy nhận nợ hai bên đã ký kết là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của **Ngân hàng TMCP C** trong trường hợp chị **Nguyễn Thị Bích T** không trả nợ hoặc trả không đầy đủ:

Hội đồng xét xử xét: Tài sản thế chấp nhằm bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của chị **Nguyễn Thị Bích T** theo Hợp đồng cho vay hạn mức 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542 ngày 02/3/2023 và Văn bản sửa đổi hợp đồng số 5169/2023/HĐCVHM/NHCT542/SĐBS01 ngày 07/7/2023 là: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là số nhà A đường H, khu phố B phường T, TP Q, tỉnh Bình Định), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 121599, số vào sổ cấp GCN: CS03773 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 16/12/2020, tài sản do ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Lý Thị DH** sở hữu, ề u ợ c hai bên xác lập hợp p ồ ng thế chấ p ược công chứng tại **Văn phòng C1** (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 200/2021/HĐBĐ/NHCT542 ngày 23/6/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 200/2021/HĐBĐ/NHCT542-SĐBS01 ngày 07/7/2023) và ấ ợ c ăng kê thế chấp tại **Văn phòng ấ n g kê ấ t ại t ỉ nh B-chi n ỉnh T2** bảo ả m tuân thủ ững quy ị nh Điều 117, 317, 319 củ a Bộ luật dân sự .Do vậ y việc **Ngân hàng TMCP C** yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp nêu trên để thu hồi nợ trong trường hợp chị **Nguyễn Thị Bích T** không trả nợ hoặc trả không đầy đủ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại các Điều 292, 298, 299, 301, 317, 319, 320, 323 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi chị **Nguyễn Thị Bích T** trả xong nợ, **Ngân hàng TMCP C** có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Lý Thị Duyên H2** các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4000.000 đồng, **Ngân hàng TMCP C** đã nộp tạm ứng trước . Theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự chị **Nguyễn Thị Bích T** phải chịu nên chị **Nguyễn Thị Bích T** phải có nghĩa vụ hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP C** số tiền 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm : Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị **Nguyễn Thị Bích T** phải chịu 131.750.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 292, 298, 299, 301, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP C**.

1. Buộc chị **Nguyễn Thị Bích T** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP C** số tiền gốc và lãi còn nợ tính hết ngày 19/9/2024 là 23.749.534.197 đồng (trong đó: nợ gốc 22.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.223.188.171 đồng, lãi phạt quá hạn gốc 511.865.753 đồng, lãi phạt quá hạn lãi 14.480.272 đồng).

Kể từ ngày 20/9/2024, chị **Nguyễn Thị Bích T** còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

2. Trong trường hợp chị **Nguyễn Thị Bích T** không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì **Ngân hàng TMCP C** có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp, cụ thể gồm: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định Định (nay là số nhà A đường H, khu phố B phường T, TP Q, tỉnh Bình Định), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 121599, số vào sổ cấp GCN: CS03773 do **Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 16/12/2020, tài sản do ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Lý Thị Duyên H2** sở hữu (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 200/2021/HĐBĐ/NHCT542 ngày 23/6/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 200/2021/HĐBĐ/NHCT542-SĐBS01 ngày 07/7/2023) để thu hồi nợ.

Trong trường hợp chị **Nguyễn Thị Bích T** trả xong nợ thì **Ngân hàng TMCP C** có nghĩa vụ trả lại cho ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Lý Thị Duyên H2** giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp.

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

3.1. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản:

- Chị **Nguyễn Thị Bích T** phải có nghĩa vụ hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP C** số tiền 4.000.000 đồng.

3.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.2.1. Chị **Nguyễn Thị Bích T** phải chịu 131.750.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3.2.2. **Ngân hàng TMCP C** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 65.279.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000934 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND thành phố Quy Nhơn
- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn
- Các đương sự
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Kim Anh